

SỐ 1517

LUẬN THÍCH PHẬT MẪU BÁT-NHÃ
BA-LA-MẬT ĐA
VIÊN TẬP YẾU NGHĨA

Tác giả: - Bồ-tát TAM BẢO TÔN.
- Bồ-tát ĐẠI VỰC LONG tạo bản Luận
Hán dịch: - Đời Triệu Tống Sa Môn Thi Hộ.

QUYỂN 1

*Kính lễ Bát-nhã Ba-la-mật,
Mẹ sinh ra tất cả chư Phật,
Nương nhờ pháp Bát-nhã cao quý,
Rốt ráo không đắm mê trần cấu,
Tự tánh lìa vì cội chư Phật,
Khiến chúng sinh vui được tương ưng,
Năng thủ sở thủ đều mất hết,
Trong đó tánh thường không thể lập,
Do đã giải thoát hai thứ chấp,
Đoạn kiến, thường kiến, thấy dứt trừ,
Từ Nhất Thiết Trí mà sinh ra,
Kính lễ Bạc Trí đến bờ giác.*

Bộ Phật Mẫu Bát-nhã Ba-la-mật Đa Viên Tập Yếu Nghĩa do Bồ-tát Đại Vực Long soạn ra bản luận, nay tôi giải thích tóm tắt các hành tướng với mục đích, giúp các người trí còn thấp kém, hạn hẹp, muốn suy nghĩ ghi nhớ các nghĩa lý kinh này, nhờ tóm tắt ấy mà biết được. Như

Tụng đã nói:

*Thắng huệ được thành tựu,
Trí không hai Như Lai,
Trong đó nghĩa tương ứng,
Tiếng và hai: Giáo-Đạo.*

Ở đây nói Thắng Huệ v.v... tức là Huệ Đáo Bỉ Ngạn (trí tuệ Ba-la-mật). Huệ tức: Văn, Tư v.v... các huệ. “Ngạn” (bờ) tức là bến bờ. “Đáo” tức là qua sông mà đến được bờ. Nghĩa là do trí tuệ mẫu nhiệm, thanh tịnh, nên có thể đến được bờ giác ngộ kia.

- Hỏi: Người nào có thể đến được? Đáp: Đó là các Bồ-tát.

- Người ấy đã thành tựu được những gì? Tức thành tựu được pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa. “Thành tựu” có nghĩa là hoàn thành xong. Nghĩa là tánh quả, ý vui thích tăng thượng như thế đã hoàn thành xong. Như diễn giảng, chỉ bày về những nghĩa lý giáo huấn của tám ngàn bài Tụng Bát-nhã, gọi là đã thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật đa, chẳng phải là từ “tiếng” Bát-nhã Ba-la-mật đa mà có thành tựu. Nếu như thế thì căn cứ vào nghĩa nào bảo là đã thành tựu được pháp ấy? Do đó, Tụng nói: “Trí không hai”. “Không hai”, nghĩa là không có hai tướng, nên gọi là không hai, tức trí không có hai thứ ấy nên gọi là trí không hai. Như thế là đã nói rõ, ở đây là Bát-nhã Ba-la-mật đa đã lìa hẳn năng thủ và sở thủ (người chấp và vật bị chấp), chính đó là trí không hai. Bồ-tát đã thành tựu được trí như thế. Nếu đối với các cảnh của sắc, v.v... còn chấp vướng vào tướng của vật bị chấp và tâm của người chấp thì trí không hai tất sẽ có đối ngại.

- Hỏi: Nếu các Bồ-tát đã thành tựu pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa như thế tại sao không nói ngay đó là Như Lai?

- Như Lai đối với mọi việc đều siêng năng tu hành các hạnh và được thành Phật.

Luận tự đáp: Như Lai. Như Lai ấy. “Ấy” tức là Bát-nhã Ba-la-mật đa. Như Lai, là như thật mà nói, gọi là Như Lai. Vì pháp ấy như thế đã lìa hết tất cả các lưới buộc ràng của sự phân biệt, nên Bát-nhã Ba-la-mật đa tức là Như Lai. Trong đó không hai, cũng không có phân biệt. “Không hai” là Như Lai không lìa Bát-nhã Ba-la-mật đa, nhưng cũng không là Bát-nhã Ba-la-mật đa. Vì sao gọi là không phân biệt? Vì nó như ánh sáng và ngọn đèn, nghĩa đó là như thế. Cho nên phải hiểu biết đúng như thật, như các bậc trí đã nói. Tụng rằng:

*Chẳng phải trí lìa Không,
Có chút pháp để được,*

*Ý này nói về lìa,
Tánh lìa, chẳng xa lìa.
Hai không ấy, khác thức,
Không chút pháp để chấp,
Hai không thật để chuyển
Hai ngã tánh chẳng lập.*

Do đấy mà chứng biết, đối với tướng như thật, đức Thế Tôn đã nói như vậy. Thế nên, chủ thể nhận thức và đối tượng được nhận thức, nếu có tự tánh thì các phân biệt v...v... sẽ có chỗ để nương nhờ.

Nhân đây hỏi: Nếu Bát-nhã Ba-la-mật đa thành tựu được trí không hai, tại sao lời Tụng lại nói Giáo. Đạo là hai? Tụng đã tự đáp: “Trong đó nghĩa tương ứng tiếng và hai: Giáo-Đạo” “Trong đó” là trong tiếng kia, bao hàm hai thứ Giáo và Đạo. Nghĩa tương ứng là lần lượt sẽ nói. Nghĩa là nói tiếng kia vốn có hai loại Giáo-Đạo cùng hòa hợp tương ứng với nghĩa của Bát nhã Ba la mật đa. Tiếng và hai: Giáo-Đạo, thì chữ ”tiếng” trước đã giải thích (tiếng gọi Bát nhã Ba la mật). Còn hai: Giáo-Đạo tức là phương tiện bát nhã Ba la mật đa, được cất giữ trong tiếng kia. Cũng như ý nghĩa của hạt giống đã cất chứa ở trong kho.

Như vậy nên biết, tiếng Bát nhã Ba la mật đa nói lên hai loại nghĩa:

1. Là cao tốt hơn hết.
2. Là chủng loại .

Về “sự cao tốt hơn cả”, là chỉ cho tướng của trí không hai. Còn “Chủng loại”, là có hai loại, một là đạo giáo và hai là tự tánh. Vì hai thứ đó hòa hợp, mà lập bày ra mới có việc diễn giảng, chỉ bày. Lại nhờ nương vào như thế v.v... nên Bát-nhã Ba-la-mật đa ấy, có những lời lẽ, nghĩa lý, diễn nói đầy đủ cả ba mươi hai phẩm, không thêm không bớt, trong đó nói về việc xua tan mười thứ phân biệt tán loạn, lại cũng làm sáng tỏ mười sáu thứ Không. Tiếp đến Tụng nói:

*Nương tựa và tác dụng,
Sự nghiệp đồng tu hành,
Phân biệt tướng và tội,
Khen ngợi sẽ nói tiếp.*

Ở trong bài tụng này, có nêu ra sáu thứ, đó là nương tựa, tác dụng, sự nghiệp, tướng, tội và khen ngợi. Sau đây sẽ trình bày rõ:

Nói “nương tựa”, nghĩa là đức Thế Tôn trước hết nói về trí. Do đã nương vào trí như thế, nên có pháp môn sâu xa và có khả năng diễn thuyết nối tiếp. Chẳng phải Tôn giả Tu Bồ-đề v.v... tự có khả năng nói

được như thế, mà chính là đã nương nhờ, hòa hợp vào trí đó.

Hỏi: Phật nói về trí, vậy tướng của trí như thế nào?

Đáp: Như ở phần đầu Kinh Bát-Nhã tám ngàn bài tụng Phật đã nói thế này: Tu-bồ-đề! Tùy theo sự ưa thích, ông được phép nói về pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa của các Đại Bồ-Tát. Phải nên phát khởi tu hành giống như Bát-nhã Ba-la-mật đa của các đại Bồ tát đã sinh ra v.v... Nên biết, sở dĩ pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa của các Đại Bồ-Tát được nói là do thần lực của Phật giúp đỡ, nên Tôn giả Tu-bồ-đề mới trình bày, diễn nói pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa một cách lưu loát, không chướng ngại. Các nghĩa nói ở đây, thuộc phẩm thứ nhất của Kinh này.

Nói “-Tác dụng” tức có tác dụng làm cho tiến bộ thêm lên. Nghĩa là Phật nói về trí, để khiến tiến lên bậc cao hơn. Vì nói pháp môn này, tức là nói lên tác dụng, khiến cho chúng Bồ-tát lần lượt tiến triển hơn. Do đó mà nói ra pháp môn ấy.

Nói “Sự nghiệp”, là sự nghiệp đã được làm nên, cứ như thế mà phát khởi, tức nương vào lời dạy của pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa, an trú như thế. Cho nên, siêng năng, mạnh mẽ, hăng hái mà tu hành, quyết chí trừ bỏ mười thứ phân biệt tán loạn, rồi lần lượt, phân biệt đến mười sáu thứ không. Nên biết như thế.

Nói “- Tướng”, là sự tiêu biểu, vả lại, tướng còn là hình tướng. Ở đây là sao? - Tức nếu Bồ-tát đối với pháp môn Bát-nhã Ba-la-mật đa này, trong lúc chép, viết, hoặc đọc tụng mà có người nổi lên tâm nghi ngờ, thì đó là tướng của ma sự (việc làm sai chính pháp), nếu không có nghi ngờ thoái lui, là tướng của Bồ-tát.

Nói “Tội”, nghĩa là gây trở ngại, khó khăn, đối với pháp này, cũng như chê bai chánh pháp hoặc sanh ý tưởng xấu, độc ác đối với pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa...đấy là những việc gây tạo ra tội báo.

Nói “Khen ngợi”, tức là ca tụng các kết quả phước đức; như kinh nói: Nếu có người lấy bảy báu đầy ấp trong ba ngàn Đại thiên thế giới đem bố thí, và nếu có người thọ trì, đọc tụng .v.v.. pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa này, thì phước này sẽ hơn phước bố thí kia rất nhiều. Trong đây lại nói do nghĩa gì phải nương dựa vào đó. Cho nên Tụng nói:

*Đủ tin dùng làm Thể
Thầy trò cùng thuyết, chứng
Khi nói, những nơi nói
Tự lượng được thành tựu*

Ý ở đây thế nào?

Nói “Đủ tin”v.v... tin là lòng tin thanh tịnh, các Bồ-tát nhờ tin ấy,

đối với những lời dạy sâu xa, có thể phát sinh hiểu biết thấu đáo. Có sự tin thế đó nên gọi là tin đủ. Đủ tin ấy để có thể làm “thể”. Thể là thể của thân. Ví như có thân, làm nhân mới có thể liên tục tu tập các hành. Nghĩa của các tin cũng vậy.

Nói: “Thầy trò cùng thuyết, chứng” nghĩa là, đức Thế Tôn là Thầy, là bậc Đại sư, tuyên nói pháp môn này; các chúng Bồ-tát v.v... là trò từng người cũng tự tuyên nói được. Nói như vậy rồi, từng người tùy theo đó mà biểu thị.

Nói: “Khi nói, những nơi nói”. “Thời” nghĩa là: đúng thời, tức hòa hợp các sự việc đã làm để biểu thị khi nói. Mỗi chỗ khác biệt, quyết định được khắc ghi, giữ lấy là nghĩa “nơi nói” nên biết. Hỏi: Người thuyết pháp sẽ được nghĩa gì? Tụng tự đáp: Tự lượng được thành tựu. Nghĩa này thế nào? Tự, nghĩa là chính mình, lượng là tự lượng, là lượng sức mình có được là không có trái nghịch. Còn thành tựu nghĩa là thành thực mọi việc đầy đủ, tức người thuyết pháp, các việc đã nói ra thấy đều thành thực. Như Tụng kia nói:

Người thuyết pháp nên biết

Hai: Thời-Xứ thế gian

Người nói có đồng chứng

Về sau được như lượng.

Trong đó ý nói gì?

Nói: “Người thuyết pháp” là người nói pháp. Nói “Hai: Thời-Xứ thế gian”, nghĩa là ở trong tướng thế gian, trước tiên phải hiểu rõ khi nào thì nói (Thời) nói ở những nơi nào (Xứ) sau đó mới nương dựa vào trí, như lý mà nói.

Hỏi: Nói đó, là nói cái gì? Tụng tự đáp: “Người nói có đồng chứng”. Nghĩa là có sự hòa hợp của đồng chứng và nói.

Hỏi: Thế nào là được như lượng?

Đáp: Nói được như lượng là được lượng lời nói chân thật kia, chẳng phải là nghĩa Thời-xứ mà nay đã nói.

Ở đây lại dùng nghĩa gì ấn định là mười hai phẩm? Cho nên tụng nói:

Tập hết thấy như vậy

Ta - nghe v.v... và pháp thuyết

Nghĩa hòa hợp như thế.

Ba mươi hai tối thượng.

Ở đây “nói hết thấy như vậy v.v...” thì “hết thấy” nghĩa là khắp hết. Những gì là khắp hết? Đó là sự tụ tập như thế, tụ tập những cái ta

nghe. “Như vậy” nghĩa là đã làm như vậy, pháp đó như vậy.

Nói “Ta-nghe v.v... và pháp thuyết” thì ta là tướng của chính mình hình thành. Nghe nghĩa là lắng nghe, tức lắng nghe pháp này. Tổng ý ở đây: Hoặc là như vậy, hoặc là ta, hoặc là nghe, tất cả hợp lại mà thành. Cho nên nói: “Tôi nghe như vậy v.v....”

Hỏi: Chữ “vân vân”; là gồm những nghĩa gì? - Đáp: Vân vân là gồm cả nơi chốn và thời gian nói pháp.

Chữ “thuyết”, là giảng nói chỉ bày. Thế nên ở đây nói: Ta-nghe v.v... như thế.

Nói “nghĩa hòa hợp như thế”. Là đối với pháp được thuyết kia, hoặc làm, hoặc không làm chúng đều hòa hợp từ đầu cho đến cuối theo thứ tự mà tuyên nói nghĩa tối thượng như thế.

Tối thượng là nghĩa cao nhất trên nhất. Thể của ngôn thuyết kia, ấy là những lời được diễn bày ra (ngôn thuyên).

Hỏi: Ở đây nói những gì? Tụng tự đáp: “Là ba mươi hai tối thượng”.

Ba mươi hai, đó là số lượng quyết định. Nghĩa là nói nghĩa trong số lượng như thế. Vì thế nên biết, các điều được nói ở đây cũng không giảm bớt.

Hỏi: Trong kinh Bát-Nhã Ba-la-mật-đa mười vạn tụng nói đến nhiều thứ không, trong kinh Bát-Nhã Ba-la-mật-đa tám ngàn tụng thì nói có mười sáu pháp không. Như thế, đối với Kinh kia nói làm sao bằng được? Vì có nghi này, nên Tụng dứt nghi, nói:

*Phân biệt mười sáu tướng,
Các không theo thứ tự,
Trong tám ngàn tụng nói,
Hiểu phương tiện khác, nói.*

Ở đây nói phân biệt v.v..., tức là phân loại vô số thứ rồi sắp xếp riêng ra từng loại, nên gọi là phân biệt -Vả lại, phân biệt còn có nghĩa là chủng loại. Các chủng loại đó, là nghĩa của đủ các thứ tính chất.

Trong ấy phân biệt cái gì? Đó là phân biệt những pháp không - Phân biệt những pháp Không nào? Là mười sáu pháp không.

- Mười sáu, đó là số hạn định. Mười sáu pháp không nói ở đây, cùng với các nghĩa lý đã nói trong kinh Bát-Nhã mười vạn tụng kia, đều là như nhau. Tụng nói: “Trong tám ngàn bài tụng nói”, tức những điều đã nói trong tám ngàn bài tụng của kinh Bát-Nhã này, là nói những gì? Cho nên Tụng nói: là nói đến các thứ lớp của nó. Nói “thứ lớp”, nghĩa là không vượt qua. Chẳng vượt qua pháp nào? Tức là tiếng nói về không.

Cho nên, lời tụng sau đã nói: “Hiểu rõ phương tiện khác, mà nói”.

Có nghĩa như thế nào? Khác, nghĩa là pháp riêng khác. Đối với pháp riêng khác đó, chọn lấy phương tiện. Thế nên, nói ấy là phương tiện khác mà nói. “Hiểu”, tức hiểu, phải nên phân biệt như thế mà hiểu biết. Nói “Hiểu rõ phương tiện khác, tức là phân biệt để nói rõ pháp không. Tụng lại nói:

*Nay tám ngàn tụng này,
Nói đủ nghĩa không thiếu,
Tùy ý tóm tắt tụng,
Nghĩa như thế, như thuyết.*

- Nói: “Nay tám ngàn tụng này”, là chỉ pháp cần biết.

- Nói: “Không thiếu”, tức là không giảm bớt hay thiếu sót.

- Không thiếu sót những gì? Tức là nghĩa đúng như thuyết. Tức nghĩa giống như những điều nói ra, thì tự nhiên sẽ đầy đủ. Có người hỏi: Những điều nói đó vì sao Tụng lại tóm tắt? Tụng đã tự đáp: Tùy ý thích mà tóm lược tụng. -Nay chỉ nói có tám ngàn tụng, là vì tùy theo ý ưa thích nhất mà phù hợp người nghe. Thế nên có Tụng tóm lược. Tóm lược, tức là nói ngắn gọn lại.

- Nói: “Nghĩa như thế, như thuyết”, là nói nghĩa đã nói như thế. Là thế nào? Tụng nói: Như thuyết. Tức là như lời nói ấy thì đó là lời nói đúng với lý đã thành tựu. Không phải là nghĩa lý của pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa đây có sai khác nhau mà vì tùy vào trình độ căn cơ có thấp, vừa và cao đã mong muốn tiếp nhận. Thế nên, do nguyên nhân đó mà đức Thế Tôn nói tóm tắt ngắn gọn pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa này. Và như thứ lớp, dùng phương tiện khác biệt mà nói mười sáu pháp không. Cứ như thế mà giảng nói, chỉ bày, hiện rõ cho chúng sinh. Lại tiếp Tụng nói:

*Bồ-tát chẳng thấy ngã,
Đây nói thật Tịnh mặc
Nhận các sự bên trong
Kia nói đó là không.*

Ở đây nói về “Bồ-đề tát-đỏa” v.v...-Bồ-đề và Tát-đỏa tức là Bồ-đề tát-đỏa. Bồ-đề là trí không hai. Tát-đỏa tức là người cầu Bồ-đề, mà Tát-đỏa ở đây gọi là Bồ-đề Tát-đỏa, tức Bồ-đề Tát-đỏa ấy có cái ngã chẳng thể thấy cũng chẳng thể nào có được (bất khả đắc).

“Ngã” nghĩa là mình, ta.

Tụng nói: Đây nói thật “Tịnh mặc”. Chữ “Đây” nghĩa nó như thế. “Nói” tức là nói. “Thật” là chơn thật, tức Thắng nghĩa đế.

Chữ “Tịch mặc” là chỉ đức Thế Tôn, nghĩa là đức Thế Tôn với thân, ngữ, ý và các nghiệp, đều tương ứng với sự lặng yên. - Nói như thế đấy v.v... là do nhờ oai thần của Phật hộ trì giúp đỡ, khiến Tôn giả Tu Bồ-đề, ở trong pháp đó nói những lời lẽ nghĩa lý.

Nói “Kia nói đó là không”; chữ “Kia” là chỉ đức Thế Tôn. “Nói” là giảng nói chỉ bày. Nghĩa là Phật - Thế Tôn nói. “Đó là không” thì nói pháp nào là không? Cho nên, Tụng nói “Nhận các sự bên trong”.

“Các sự bên trong”, sáu căn ở trong như nhãn, nhĩ v.v... gọi là các sự bên trong. Do vì người ngu chấp đó là chủ thể thật sự lãnh thọ (năng thọ). Thế Tôn nói, các sự trong đó đều là không.

Vả lại, các Bồ-tát mới phát tâm, ở trong các sự ấy phân biệt, thấy có tự tánh thật. Như thế v.v... là nói Nội không đã xong. Lại nữa, Tụng nói:

*Sắc và tự tánh sắc,
 Đây nói cũng là không,
 Các xứ bên ngoài v.v... này
 Phần đã nhận (sở thọ) đều dứt.*

Nói: “Sắc và tự tánh của sắc” v.v..., tức là sắc, thanh v.v... sáu cảnh xứ bên ngoài. Sắc tức là cảnh xứ sắc. Nói “tự tánh của sắc” là sắc chất của chính nó. Như tướng vốn có, tướng ấy chẳng sinh. Vì chẳng sinh nên tự tánh nó là không, song, tự tánh cũng chẳng thể hư mất. Thí như sừng, người, thì nghĩa đó thuận theo biết. “Đây nói”, tức là đây phải nói như thế, nói những điều như thế v.v... vả lại, ở trong đấy Thế Tôn nói đều dứt (thôi).

Thôi (dứt) có nghĩa là chẳng làm.

Hỏi: Pháp nào thôi dứt (chẳng làm)? Lời tụng đã tự đáp: Đấy là ở các xứ bên ngoài. Là thế nào? Các xứ ở bên ngoài, là các cảnh của sắc thanh v.v.. các phần ở ngoài đó thấy đều là không thật. Nhưng kẻ phàm phu kia chấp là có tánh đã tiếp nhận (cảnh sở thọ) như thế. Cho nên đây nói “thôi”, là thôi, đừng chấp ngữ nghĩa ấy. Như thế v.v.. là nói. Ngoại không đã xong. Sau đây, lại nói về không, như tụng kia nói:

*Thân kia với tướng sắc v.v...
 Là an trú và tướng
 Hướng nghĩa nếu kia thấy
 Trong ấy tức không thực.*

Đây nói “Thân kia với tướng sắc v.v...”, thế nào là thân kia? Chỉ nói sắc trong sắc ngoài, đó tức là thân. Nói : “an trú” tức là khí thế gian đều riêng biệt mà an trú. Cho nên, gọi là an trú. Nói “tướng”, tức là ba

mười hai tướng tiêu biểu của bậc Đại tướng phu. Nói “liạ”, như trước đã nói, tất cả đều liạ. “Liạ” có nghĩa là “không”.

- Nói “Hương nghĩa”, “Hương” tức là đã qua, nghĩa đã qua gọi là Hương nghĩa. (nghĩa đã nói trước đó) Pháp nào là Hương nghĩa? Như tụng phần đầu đã nói: “tướng sắc v.v...”. Vậy là sao? Nếu như thế thì sắc ở trong, sắc ở ngoài, tất cả đều là không có tướng. Tức đối với chúng, hiểu rõ nghĩa là “Không” như thế. Nghĩa của thanh, hương v.v... cũng nên biết như thế.

Nay, trong Tụng này trước tiên nói ba loại không. Đó là Nội-Ngoại không, Đại không và Tướng không. Kế đây sẽ nói không không.

Như tụng nói: “Nếu kia thấy trong ấy, tức là không thực”. “Nếu”: nghĩa là nếu có được, tức là có được không trí. “Kia” tức là thân kia v.v... “Thấy” nghĩa là biết, biết là biết rõ. Ý ở đây nói biết trí không, biết rõ các cảnh là Không rồi, thì trí không này đối với chính (trong) nó là không thực, chẳng hề có, hướng là các pháp khác, có tánh chất nương nhờ vào một cái khác: Câu này như thế là nói về không không (không cả cái không). Trong đây lại nói Tự tánh không, Như Tụng nói:

*Tánh không các Nội xứ,
Tự tánh cũng lại không,
Sở hữu chủng, tướng Thức
Ngã liền khởi Bi - Trí.*

Đây nói: “Tánh “Không” các Nội xứ”, nghĩa là tánh không của các xứ bên trong vốn có.

Tiếp theo nói: “Tự tánh cũng là không”. Tự tánh, nghĩa là chủng tánh. Do chủng tánh đó mà hiện rõ tướng của thức v.v... như thế. Nói: “Sở hữu chủng - tướng Thức”. Sở hữu ý là nói: Nếu như có. Trong câu này là nói: nếu như có tướng của Thức-tánh của Thức, các loại, chủng tánh v.v... thì tức liền dấy khởi bi - trí của ngã. Bi là muốn các khổ của người khác đều liạ tan, dứt mất. “Trí” là sự xét đoán chọn lựa các pháp tướng, hoặc là bi, hoặc là trí, nên gọi chung là bi trí. Còn ngã có nghĩa là tướng của mình, tức là chính mình có hai thứ bi và trí đó.

Tóm lại, ý chính ở đây muốn nói là tự tánh của các thức ở bên trong vốn là không. Sau đây lại nói về nghĩa hai thứ không. Như Tụng nói:

*Chẳng sinh cũng chẳng diệt,
Rõ những thứ v.v... hữu tình
Hữu tình, sinh tử, dục,
Kia nói tức là không.*

Tụng nói: Bốn câu: “Chẳng sinh cũng chẳng diệt v.v....” là kết hợp , giải thích hai nghĩa không. Nói “chẳng sinh” là trong kinh Bát-Nhã thiên Tụng (tám ngàn tụng) vốn đã nói là chẳng sinh. Ý muốn nói, là nó đã dừng lại việc sinh ra tiếp tục. Nghĩa là xưa nay nó vốn tánh chẳng sinh. Sinh nếu không có tánh, thì diệt cũng không (có tánh). Vì tánh trước chẳng sinh, thì tánh sau cũng chẳng diệt.

Hỏi: “Những thứ” (thứ đấng) là sao? Cho nên, Tụng đáp: Hữu tình Hữu tình đó tức là thân mạng năm uẩn. “Hữu” nghĩa là có tánh của vật đó. Tình tức là nói hòa hợp với cái tánh của mình tạo nên. Cho nên, gọi là Hữu tình. “Rõ” nghĩa là làm cho hiểu rõ. Ý đây nói là cả Hữu tình và Sinh tử, hai thứ đó đều là không, làm rõ nghĩa ấy. Nhưng các Hữu tình thì không có giới hạn. Chết đây, sanh kia, xoay vòng trong sáu đường, luân chuyển trong Sinh tử, không bao giờ dứt. Sinh tử đây, tức là sự luân hồi. Như vậy hành tướng hữu tình tức là Sinh tử, giải thích nghĩa thuận theo mà biết.

Hỏi: Điều này ai nói? Tụng đáp: Kia Chính là Như Lai chơn thật nói. Ngài nói điều gì? -Đó là nói về Không, tức là Hữu tình và Sinh tử, hai thứ đều không. Tuy nhiên cái tánh không có của kia trong đây cũng lìa bỏ, giống như chấp cái tánh “không có” của thứ kia thì ở đây cũng không còn. Nếu vậy, tại sao tụng lại nói là “Dục”? - Dục có nghĩa là ưa thích, ham muốn. Hữu tình và Sinh tử là hai thứ dục. Nếu hai thứ dục ấy đã hết thì đó là chơn thật. Như vậy là đã nói về hai thứ nghĩa không, gọi là Tất cánh không (“không” rốt ráo), và Vô tế Không (Không cái không có giới hạn).

Hỏi: Thế nào là không có giới hạn? Không có giới hạn là không có ranh mức đầu tiên, không có phần hạn nào là đầu tiên. Vì đây không có giới hạn nói là Không nên gọi là Vô tế không. Như Phật nói: Biên vực đầu tiên của sinh tử không thể chỉ ra. Cho nên sau đây lại nói về không. Như Tụng nói:

*Phật pháp chẳng thể thấy,
Pháp Bồ-tát cũng vậy,
Các điều như đã nói,
Cả Mười lực v.v... cũng không.*

Nói: “Phật pháp chẳng thể thấy” Phật pháp, tức là pháp của chư Phật, như là Mười tám bất cộng, và Mười lực v.v... Các pháp như thế, dùng diệu huệ thanh tịnh mà quán thì chẳng thể thấy, cũng chẳng thể nào có được. Vì nó như thế, cho nên nếu có phân biệt thì sẽ bị trở ngại. Nói: “Pháp Bồ-tát cũng vậy”, tức là các pháp của Bồ-tát như Bồ thí Ba-

la-mật đa v.v... các thứ hành tướng khác; nếu đi vào trí chơn thật, như lý mà quán sát thì cũng chẳng có chỗ để thấy.

Nói: “Các điều như đã nói đây, cả Mười lực cũng Không”. “Các điều đó v.v..” tức là các giáo pháp, lời dạy như thế. “Các điều đã nói tức đã nói các điều ấy ra.

Hỏi: Nói ra những pháp nào? Lời Tụng đã tự đáp: Đó là Mười lực v.v... là chỉ rõ pháp Mười lực trên đã nêu. Nói v.v... (đẳng) tức là gồm cả Mười tám pháp bất cộng. Lại hỏi: Đây là nói về những pháp nào? Đáp: Đó là nói về cái không. Không, tức là lia tự tướng. Như vậy ở đây đã nói tất cả các pháp đều không (Nhất thiết pháp không). Sau đây lại nói cái không khác, như Tụng này nói:

*Có các pháp riêng rẽ, Đây nói tánh
Biến kế,
Trong Thắng nghĩa, chẳng có, Các pháp, nói
như thế.*

Nói “Riêng rẽ có các pháp, nói đó là tánh biến kế v.v... là phá tánh chất của biến kế. “Riêng rẽ” nghĩa là mỗi mỗi các thứ. Gọi có được tánh biến kế là có sự chấp lấy vướng mắc. Chấp trước vào pháp nào? Tức là các pháp sắc, thanh v.v... chữ “Đây” nghĩa là như thế. Chữ “Nói” là diễn nói. Ý tổng quát nói tất cả các pháp riêng rẽ khác nhau đó, đối với Thắng nghĩa để thì chúng chẳng có. Thế nên Tụng nói:” Trong Thắng nghĩa chẳng có, các pháp nói như thế”. “Trong Thắng nghĩa chẳng có” tức là xét trong Thắng nghĩa để thì chúng không có tự tánh.

Hỏi: Pháp nào không có tự tánh? - Đáp: Đó là các pháp về sắc v.v... “Nói như thế” tức là ở đây nói như thế...

- Hỏi: Ai nói như thế? Đáp: Phật đã nói như thế này: Quán xét cái Không của tướng Thắng nghĩa vốn có kia, tướng ấy cũng chính là cái “Không” do tánh biến kế chấp thành, không phải chỉ nói cái tướng Năng thủ (các pháp được giữ lấy) trong Thắng nghĩa để mà nói đó là Không. Như thế là đã nói: Thắng nghĩa không. Ở đây như vậy thì nghĩa tự sáng tỏ. Người giải thích Luận nói riêng Tụng:

*Thứ, thứ tánh biến kế, Nơi nơi đều vướng
mắc Biến kế như vậy đó
Tự tánh không hề có.*

